

The status of learning French as the second language of the students of the Foreign Language Department, Quy Nhon University

Nguyen Thi Thu Hanh

Foreign Language Department, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 17/02/2020; Accepted: 10/04/2020

ABSTRACT

The article assesses the status of learning French as a second foreign language of students who are in course 39 and 40 of Foreign Language Department, Quy Nhon University. Hence, several measures are proposed to improve the quality of learning this subject at the university, to raise students' awareness, and to enhance their self-study and self-assessment, thereby motivating them to early establish objectives and orientation for the subject and fulfilling the university criteria for graduation.

Keywords: *Status, French, students of the Foreign Language Department.*

**Corresponding author.*

Email: hanhnguyendhq@ yahoo.com

Thực trạng học tiếng Pháp như ngoại ngữ hai của sinh viên Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Quy Nhơn

Nguyễn Thị Thu Hạnh

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 17/02/2020; Ngày nhận đăng: 10/04/2020

TÓM TẮT

Bài báo đánh giá thực trạng học tiếng Pháp như ngoại ngữ thứ hai của sinh viên (sv) khóa 39 và khóa 40 tại Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Quy Nhơn. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng học bộ môn này tại trường; giúp sinh viên ý thức hơn cũng như phát huy khả năng tự học và tự kiểm tra, đánh giá; góp phần tạo động lực cho sinh viên nhận thức đúng về môn học, sớm xây dựng mục tiêu và định hướng cho môn học nhằm đáp ứng điều kiện tốt nghiệp của cơ sở giáo dục.

Từ khóa: *Thực trạng, tiếng Pháp, sinh viên khoa Ngoại ngữ.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm thực hiện tốt chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo,¹ Trường Đại học Quy Nhơn nói chung và khoa Ngoại ngữ nói riêng đã tiến hành chuẩn hóa quy trình đào tạo của nhà trường, với mục tiêu đặt ra là các môn học, các chương trình học của các bộ môn, của khoa được xây dựng và xác định chuẩn đầu ra đối với sinh viên. Chuẩn đầu ra là cơ sở để nhà trường xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đảm bảo sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội; Thông qua chuẩn đầu ra, sinh viên lượng hóa được mục đích học tập của mình, xác định cụ thể các yêu cầu đối với bản thân, từ đó không ngừng nỗ lực học tập và rèn luyện theo các chuẩn này, đáp ứng yêu cầu của nhà trường và xã hội. Qua đó, sinh viên sẽ được tăng cường cơ hội học tập, cơ hội việc làm.

Trong vài năm qua, có thể nói khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc (KNLNN) dùng cho Việt

Nam có ảnh hưởng lớn đến việc dạy, học và đánh giá năng lực ngôn ngữ trong toàn xã hội. Thế nên, để hiểu rõ hơn về khung năng lực này cũng như những khó khăn mà sinh viên ngành tiếng Anh tại khoa Ngoại ngữ trường Đại học Quy Nhơn học ngoại ngữ thứ hai là tiếng Pháp đang phải đối mặt và theo đó có định hướng cụ thể cho việc giảng dạy tiếng Pháp tại khoa, nhóm nghiên cứu tiến hành rà soát lại thực trạng học tiếng Pháp tại khoa và đưa ra những đề xuất với hy vọng giúp sinh viên khoa Ngoại ngữ nhận thức đúng về định hướng tiêu chí kiểm tra, đánh giá trình độ chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo định hướng khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại trường và sớm lập kế hoạch học tập phù hợp để không gặp khó khăn trong việc xét tốt nghiệp đại học.

Kiểm tra, đánh giá bao gồm nhiều hình thức và phương pháp khác nhau. Tại trường Đại học Quy Nhơn, tiếng Pháp được dạy cho sinh

Tác giả liên hệ chính.

Email: hanhnguyendhq@yahoo.com

viên khoa Ngoại ngữ chuyên ngành tiếng Anh trong hai học phần: Tiếng Pháp 1 và tiếng Pháp 2. Chúng tôi áp dụng phương thức đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết (évaluation formative et sommative) kết quả học tập của từng sinh viên trên thang điểm 10 với các trọng số điểm thành phần như sau: chuyên cần có trọng số 10%, bài kiểm tra giữa kỳ chiếm 20% và 70% dành cho việc đánh giá kết quả thi cuối kỳ. Vì vậy, bài kiểm tra cuối kỳ có thể nói là có tầm quan trọng đặc biệt và có tính quyết định đến kết quả cuối cùng của sinh viên.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Mọi hoạt động giáo dục đều được bắt đầu từ việc xác định mục tiêu và kết thúc bằng đánh giá. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là một phạm trù được các nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn về giáo dục rất quan tâm vì nó có chức năng quan trọng trong hoạt động giáo dục. Kết quả của kiểm tra, đánh giá là cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học và quản lý giáo dục.

Theo Cook,² cách thức kiểm tra, đánh giá - hơn bất kỳ một yếu tố nào khác, kể cả việc giảng dạy của giáo viên - có ảnh hưởng quyết định đến phương pháp, thời gian và nỗ lực mà người học dành cho một ngoại ngữ.

Hoàng Khê³ cho rằng kiểm tra được hiểu là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét. Như vậy, việc kiểm tra sẽ cung cấp những dữ kiện, những thông tin cần thiết làm cơ sở cho việc đánh giá người học. Kiểm tra được định nghĩa là: “Bộ phận hợp thành của quá trình hoạt động dạy - học nhằm nắm được những thông tin về trạng thái và kết quả học tập của người học, về những nguyên nhân cơ bản của thực trạng đó để tìm ra những biện pháp khắc phục những lỗ hổng, đồng thời củng cố và tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy - học”.⁴

Đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối

chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.⁵ Ngoài ra, đánh giá còn được xem là quá trình thu thập, sử dụng thông tin để người dạy có thể ra quyết định tốt hơn sau một quá trình thực hiện hoạt động dạy và học.⁶

TS. Phan Long⁷ cũng khẳng định “*thi là hình thức kiểm tra có tầm quan trọng đặc biệt. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học có thể hiểu sự so sánh, đối chiếu kiến thức, kỹ năng thực tế đạt được của người học sau một quá trình học tập với kết quả thực tế và mục tiêu dạy học ban đầu đề ra.*”

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thông qua kết quả các bài thi kết thúc học phần tiếng Pháp 1 và tiếng Pháp 2 của sinh viên khóa K39 và K40 tại khoa Ngoại ngữ, chúng tôi dùng phương pháp định lượng để nghiên cứu, đánh giá năng lực học tiếng Pháp của nhóm đối tượng này nhằm tìm hiểu thực trạng học bộ môn tiếng Pháp tại trường. Sau đó chúng tôi thống kê, mô tả, so sánh và phân tích nhằm đưa ra các kết quả chính xác nhất phục vụ cho nghiên cứu đạt được kết quả khả quan.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

4.1. Kết quả khảo sát điểm thi học phần Tiếng Pháp 1 và tiếng Pháp 2 của sinh viên (sv) ngành Sư phạm Anh (SPA) và Ngôn ngữ Anh (NNA) của K39 và K40

4.1.1. Kết quả khảo sát điểm thi học phần tiếng Pháp 1 và tiếng Pháp 2 của sinh viên ngành SPA và NNA của K39

Để tiến hành nghiên cứu về hiệu quả của việc giảng dạy tiếng Pháp tại trường, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp kết quả điểm thi học phần tiếng Pháp 1 và tiếng Pháp 2 của sinh viên khóa K39 và nhóm đã thống kê những kết quả thi này cho riêng ngành Sư phạm Anh và ngành Ngôn ngữ Anh, rồi sau đó tính tổng cho từng học phần.

Bảng 1. Kết quả điểm thi học phần tiếng Pháp 1 của K39

	<i>Tổng số sv</i>	<i>Số sv đạt < 5</i>	<i>Số sv đạt 5 - 6,9</i>	<i>Số sv đạt 7 - 7,9</i>	<i>Số sv đạt 8 - 10</i>
SPA	109	42 = 38,5%	33 = 30,3%	17 = 15,6%	17 = 15,6%
NNA	92	46 = 50%	28 = 30,4%	9 = 9,8%	9 = 9,8%
Tổng	201	88 = 43,8%	61 = 30,34%	26 = 12,93%	26 = 12,93%

Bảng 1 trên cho ta thấy số sinh viên có điểm thi từ 8 - 10 đối với ngành Sư phạm Anh K39 là 17 sinh viên chiếm 15,6%, trong khi đó ngành Ngôn ngữ Anh K39 có 9 sinh viên đạt 8,8%. Số sinh viên có điểm khá của ngành Sư phạm cũng nhiều hơn ngành Ngôn ngữ là 5,8%. Số sinh viên đạt điểm khá, giỏi là ngang nhau trong cả hai ngành. Tỷ lệ phần trăm số sinh viên đạt điểm trung bình cho cả hai ngành được công nhận là ngang nhau (30,3% và 30,4%). Trong khi đó có tới 50% sinh viên NNA dưới điểm trung

bình và con số này cao hơn ngành SPA, ngành này chỉ có 38,5% có điểm dưới 5. Như vậy, đối với ngành SPA có khoảng chưa đến 2/3 trên tổng số sinh viên đạt điểm từ trung bình trở lên, trong khi đó ở ngành NNA số sinh viên dưới điểm trung bình bằng số sinh viên đạt từ mức điểm trung bình trở lên và chiếm 50% trên tổng số sinh viên ngành này. Đây là vấn đề rất đáng quan tâm, vì có ½ tổng số sinh viên K39 dưới điểm trung bình ngay trong học phần đầu của một ngoại ngữ mới, tiếng Pháp 1, là học phần cơ bản, là nền tảng để phát triển các kỹ năng sau này.

Bảng 2. Kết quả điểm thi học phần tiếng Pháp 2 của K39

	<i>Tổng số sv</i>	<i>Số sv đạt < 5</i>	<i>Số sv đạt 5 - 6,9</i>	<i>Số sv đạt 7 - 7,9</i>	<i>Số sv đạt 8 - 10</i>
<i>SPA</i>	109	48 = 44%	38 = 34,9%	11 = 10,1%	12 = 11%
<i>NNA</i>	91	50 = 54,94%	25 = 27,5%	10 = 10,98%	6 = 6,58%
<i>Tổng</i>	200	98 = 49%	61 = 31,5%	21 = 10,5%	18 = 9%

Bảng 2 cho ta thấy, số sinh viên đạt điểm giỏi ở học phần tiếng Pháp 2 của cả hai ngành đều giảm: tỷ lệ đạt điểm giỏi của ngành SPA (giảm 5 sinh viên) chiếm 11%, còn ngành NNA (giảm 3 sinh viên) đạt 6,58%. Điểm khá của ngành SPA giảm từ 15,6% xuống còn 10,1% so với học phần tiếng Pháp 1 và điểm khá của ngành NNA có thể được xem là hầu như không có sự thay đổi (9,8% và 10,98%). Ở học phần tiếng Pháp 2 này, số sinh viên đạt điểm trung bình và điểm yếu của ngành SPA đều tăng lên so với học phần tiếng Pháp 1 là 4,6% và 5,5%. Trong khi đó, với ngành Ngôn ngữ Anh, số sinh viên đạt điểm trung bình giảm 3 sinh viên đạt tỷ lệ 27,5% và điểm yếu tăng lên 4 sinh viên chiếm 54,94%.

Tóm lại, xét về tổng cả hai mã ngành, ở học phần tiếng Pháp 2, số lượng sinh viên đạt

điểm khá, giỏi đều giảm: điểm khá giảm 12,93% xuống còn 10,5% và điểm giỏi giảm sâu hơn một chút (từ 12,93% xuống còn 9%) so với học phần tiếng Pháp 1. Số lượng sinh viên đạt điểm yếu tăng 5,2% và điểm trung bình tăng không đáng kể 1,2%. Mặt bằng chung của cả K39 có thể được coi là ít có sự thay đổi về số lượng khi phân loại giỏi, khá, trung bình và yếu.

4.1.2. Kết quả khảo sát điểm thi học phần tiếng Pháp 1 và tiếng Pháp 2 của SV ngành SPA và NNA của K40

Chúng tôi tiếp tục tổng hợp kết quả điểm thi học phần tiếng Pháp 1 và tiếng Pháp 2 của sinh viên K40. Tương tự như trên, chúng tôi đã thống kê những kết quả thi này cho riêng từng ngành, sau đó chúng tôi tính tổng cho từng học phần.

Bảng 3. Kết quả điểm thi học phần tiếng Pháp 1 của K40

	<i>Tổng số sv</i>	<i>Số sv đạt < 5</i>	<i>Số sv đạt 5 - 6,9</i>	<i>Số sv đạt 7 - 7,9</i>	<i>Số sv đạt 8 - 10</i>
<i>SPA</i>	40	4 = 10%	16 = 40%	11 = 27,5%	9 = 22,5%
<i>NNA</i>	380	176 = 46,3%	173 = 45,5%	27 = 7,1%	4 = 1,1%
<i>Tổng</i>	420	180 = 42,9%	189 = 45%	38 = 9%	13 = 3,1%

Từ kết quả của bảng 3, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng đối với 40 sinh viên ngành SPA K40 khi bắt đầu học tiếng Pháp thể hiện rằng họ nắm vững kiến thức cơ bản ở học phần 1 của môn ngoại ngữ này, cụ thể là chỉ có 4 sinh viên dưới điểm trung bình chiếm 10%, và số sinh viên có thể xem là rải khá đều ở các mức điểm: trung bình (16 sinh viên) đạt 40%, khá (11 sinh viên) đạt 27,5%, và giỏi (9 sinh viên) đạt 22,5%.

Tỷ lệ sinh viên ngành SPA đạt loại khá (27,5%) nhiều hơn gần gấp 4 lần so với sinh viên ngành NNA (7,1%). Số lượng đạt loại trung bình được xem như gần ngang nhau. Tỷ lệ đạt loại yếu của ngành NNA thấp hơn so với ngành SPA hơn gần gấp 5 lần (10% so với 46,3%). Và điều đáng lo ngại là gần $\frac{1}{2}$ tổng số sinh viên K39 và K40 dưới điểm trung bình ngay trong học phần đầu tiếng Pháp 1.

Bảng 4. Kết quả điểm thi học phần tiếng Pháp 2 của K40

	<i>Tổng số sv</i>	<i>Số sv đạt < 5</i>	<i>Số sv đạt 5 - 6,9</i>	<i>Số sv đạt 7 - 7,9</i>	<i>Số sv đạt 8 - 10</i>
<i>SPA</i>	40	10 = 25%	8 = 20%	11 = 27,5%	11 = 27,5%
<i>NNA</i>	379	211 = 55,7%	143 = 37,7%	22 = 5,8%	3 = 0,8%
<i>Tổng</i>	419	221 = 52,75%	151 = 36,04%	33 = 7,9%	14 = 3,31%

Từ kết quả trên cho thấy số lượng sinh viên K40 đạt loại giỏi của cả hai học phần hầu như là không thay đổi. Tỷ lệ sinh viên đạt loại khá của ngành SPA giữ nguyên và ngược lại, loại khá của ngành NNA lại giảm 5 sinh viên, từ 7,1% còn 5,8%. Còn về loại yếu thì số lượng cả hai ngành đều tăng: SPA tăng 15% và NNA tăng 9,4%. Nhìn tổng thể có thể thấy rằng, hơn $\frac{1}{2}$ tổng số sinh viên không thể đạt được mức điểm trung bình (52,75%), và sinh viên thể hiện sự đuối dần ở học phần tiếng Pháp 2, cụ thể là số sinh viên đạt điểm trung bình và điểm khá đều giảm, chỉ có số sinh viên đạt loại giỏi là vẫn giữ ở mức ổn định.

Từ các bảng trên, ta có thể thấy điểm số của K39 nhìn chung đều khá cao hơn so với điểm số của K40. Cụ thể có những vấn đề nổi cộm là: (1) sự chênh lệch về điểm số ở cấp yếu của cả hai khóa không có sự khác biệt lắm. (2) sự chênh lệch về điểm số ở các cấp trung bình, khá và giỏi có sự khác biệt rất đáng kể. (3) Các sinh viên của hai khóa đều bắt đầu học tiếng Pháp từ

vỡ lòng ở học phần tiếng Pháp 1, nhưng dần dần thấy rõ sự không đồng bộ về trình độ ở học phần tiếng Pháp 2. Sự không đồng bộ này có thể là do khả năng hấp thụ ngôn ngữ của từng sinh viên hoàn toàn khác nhau, và môi trường dạy và học cũng ít nhiều ảnh hưởng đến quá trình lĩnh hội ngôn ngữ của người học. Rõ ràng, K40 có nhiều bất lợi hơn so với K39 về sĩ số sinh viên trong từng lớp và việc phân bổ số tín chỉ trong mỗi học kỳ. Trên thực tế, có thể nói hầu hết sinh viên của hai khóa này đều chưa hề biết tiếng Pháp trước đó, họ đều bắt đầu học tiếng Pháp khi là sinh viên năm một tại khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Quy Nhơn. Sinh viên K39 học tiếng Pháp trong ba kỳ (học kỳ 1: 45 tiết + học kỳ 2: 30 tiết + học kỳ 3: 30 tiết) và học theo lớp học phần, có nghĩa là khoảng 40 đến 45 sinh viên trong một lớp học. Trong khi đó, K40 là khóa đầu tiên trong khoa được áp dụng học tiếng Pháp như là ngoại ngữ 2 trong hai học kỳ (học kỳ 1: 45 tiết + học kỳ 2: 60 tiết) và còn học ghép hai lớp ở học kỳ 1 (sĩ số mỗi lớp có thể lên đến 80 sinh viên). Mặc

dù chúng tôi nghiên cứu ở hai nhóm đối tượng khác nhau nhưng mặt bằng chung của hai nhóm này có thể nói là như nhau, vì vậy chúng tôi cho rằng kết quả so sánh từ hai nhóm đối tượng này hoàn toàn có thể mang tính chất định hướng. Ở một chừng mực nào đó thì việc so sánh này vẫn có một ý nghĩa nhất định, vì dù sao cả hai khóa đều được học tiếng Pháp từ mở đầu, có nghĩa là tất cả sinh viên đều ngang bằng nhau lúc khởi điểm và cùng bắt đầu học tiếng Pháp ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Cả hai khóa đều được học tổng cộng 105 tiết tín chỉ và với cùng chương trình, cùng giáo trình. Ở cùng khóa học nhưng có rất nhiều sinh viên có năng lực tiếng rất kém. Thí dụ: K39 có 43,8% bài đạt điểm dưới 5 học phần tiếng Pháp 1 và 49% dưới 5 học phần tiếng Pháp 2, nhưng cũng có 12,93% đạt điểm khá, giỏi học phần tiếng Pháp 1 và khoảng 10% cho học phần tiếng Pháp 2; K40 có 42,9% bài dưới 5 cho học phần tiếng Pháp 1 và 52,75% cho học phần tiếng Pháp 2; học phần tiếng Pháp 1 có 9% và 3,1% đạt khá, giỏi; còn học phần tiếng Pháp 2 số sinh viên đạt điểm khá, giỏi chiếm 7,9% và 3,31% tương ứng. Nếu những sinh viên khá, giỏi học và thi chung với những sinh viên yếu sẽ tạo môi trường giảng dạy và học tập chưa thật sự tốt cho cả giảng viên và sinh viên. Môi trường học tập lý tưởng phải là tất cả sinh viên trong lớp ngang nhau về cấp độ tiếng Pháp.

5. ĐỀ XUẤT

Sau khi nghiên cứu và nhận thấy tính không hiệu quả trong việc học tiếng Pháp của sinh viên khoa Ngoại ngữ tại trường Đại học Quy Nhơn, kết hợp với việc đã tìm hiểu về các nguyên nhân của thực trạng này, nhóm nghiên cứu rút ra một số định hướng giải pháp nhằm giúp sinh viên đạt được kết quả khả quan hơn. Mỗi sinh viên cần phải nâng cao năng lực tự học của mình, sinh viên cần phải đặt ra mục tiêu học tập cho riêng mình, vạch ra kế hoạch cụ thể và tạo thói quen học tập tích cực để đạt được kết quả; phải biết tự ôn tập và kiểm tra, đánh giá quá trình học tập để có biện pháp khắc phục kịp thời, tăng cường hợp tác với

bạn bè để cùng nhau tiến bộ, chủ động tìm kiếm sự trợ giúp từ giáo viên bộ môn và phải luôn biết tự cập nhật cho mình những kiến thức thực tế thông qua việc nghe đài, xem tivi, đọc báo, tạp chí bằng tiếng Pháp hoặc giao tiếp với người bản ngữ để có thể tự tin hơn trong giao tiếp.

Người học phải xác định việc tự chủ trong học tập là chìa khóa dẫn đến thành công. Người học nên ý thức được trách nhiệm với việc học tập của bản thân, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tự tạo động lực học tập, nên có ý thức tự học để tiến bộ chứ không chỉ phụ thuộc vào yêu cầu của giáo viên. Sinh viên cần nghiêm túc chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp; tự ôn tập, kiểm tra quá trình học tập của mình; chủ động thực hành ngôn ngữ qua các kênh tài liệu thực tế; và sau mỗi bài học, sinh viên nên dành ít thời gian để suy ngẫm về những nội dung vừa học, cố gắng áp dụng những kiến thức đó vào những trường hợp cụ thể nhằm giúp hiểu bài sâu hơn v.v... Sinh viên nên có một quyển sổ ghi chép các thành ngữ, thuật ngữ, các cấu trúc ngữ pháp phức tạp... Đối với các từ mới, sinh viên cũng có thể ghi từ đó vào sổ và đa dạng từ loại bao gồm danh từ, động từ, tính từ, và trạng từ, bên cạnh nghĩa tiếng Việt có thể giải thích từ bằng tiếng Pháp và cho ví dụ minh họa, làm như vậy sinh viên sẽ ghi nhớ từ nhanh hơn, mở rộng vốn từ và nghĩa của chúng, đồng thời sử dụng chúng đúng ngữ cảnh. Thêm vào đó, sinh viên cần phát huy cách học qua sơ đồ tư duy, đây là cách học tuyệt vời và sáng tạo kết hợp giữa lý thuyết và hình ảnh, dễ tạo ấn tượng và ghi nhớ bài lâu hơn. Trên lớp, cần tập trung nghe thầy cô giảng bài; sẵn sàng đóng góp ý kiến và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động học tập. Ngoài ra, việc tạo cho mình một thói quen học tập hiệu quả cũng góp phần quan trọng giúp cho việc tự học trở nên hiệu quả.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Quy Nhơn với mã số T2019.647.42.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Đề án dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân*, Hà Nội, 2008.
2. Cook, A. Assessing the use of flexible assessment, *Assessment and Evaluation in Higher Education*, **2001**, 26(6), 539-549.
3. Hoàng Phê. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, 2011.
4. Trần Khánh Đức. *Đo lường đánh giá trong giáo dục*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
5. Lưu Xuân Mới. *Kiểm tra, thanh tra, đánh giá trong giáo dục*, Trường CBQLGD và ĐT, Hà Nội, 1998.
6. Mc Millan, J. H. *Classroom Assessment Principles and Practice for Effective Instruction*, Virginia Commonwealth University, 2001.
7. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, <http://baobinhphuoc.com.vn/Content/doi-moi-phuong-phap-day-hoc-va-kiem-tra-danh-gia-30637>, truy cập ngày 9/6/2016.